

Bản án số: **40/2022/DS-ST**

Ngày: 07 - 7 - 2022.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Săng.

Ông Võ Văn Hoàng.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST – DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 53/2022/QĐST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Hoàng M**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông M: **Ông Bùi Minh L**, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2022) (ông L có mặt).

- Bị đơn: Ông **Dương Thanh B**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Minh L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng M trình bày:*

Trước năm 2020 ông M có nhiều lần cho ông B mượn tiền nhưng sau đó ngày 30/12/2020 hai bên kết nợ lại và làm một giấy tay mượn tiền thể hiện nội

dung ông M có cho ông Dương Thanh B mượn số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn mượn là 01 năm, đến ngày 30/12/2021 ông B phải trả lại cho ông, không tính lãi suất. Khi đến hạn trả, ông M yêu cầu ông B thực hiện đúng theo lời hứa nhưng ông B né tránh và không trả tiền đúng hạn. Mục đích ông B mượn tiền để về cho vay lại, kiếm tiền lời nhưng ông B cho rằng bị người khác giựt nợ, không trả nên ông B không có tiền trả lại ông M.

Nay ông M yêu cầu ông B phải trả lại cho ông số tiền đã mượn là 420.000.000 đồng, đồng thời tính lãi suất kể từ ngày 01/01/2022 cho đến khi ông B thực hiện xong việc trả nợ với lãi suất 10%/năm.

- **Tại phiên Tòa**, nguyên đơn xác định chỉ tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/7/2022, tròn 06 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng.

* Đối với ông Dương Thanh B là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt, mặc dù ông vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ông M khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền nợ vay là 420.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xác nhận ngày 04/01/2022 của Công an xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận ông B có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Phước Lợi, xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn xác định giao dịch này chỉ là giao dịch riêng cá nhân giữa ông M với ông B, vì đối với giấy vay nợ chỉ do một mình ông B ký nhận và từ trước đến nay đều chỉ do một mình ông B đứng ra giao dịch, không biết đến vợ ông B. Vì vậy, nay ông M chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông B có nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông M và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

- Về nội dung:

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông M buộc ông B trả số tiền nợ vay là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy vay nợ đề ngày 30/12/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định giữa ông M với ông B có giao dịch vay tiền với nhau, mà cụ thể ông M cho ông B vay số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) vào ngày 30/12/2020, thời hạn vay 01 năm, không tính lãi suất, đến ngày 30/12/2021 ông B phải trả lại cho ông M nhưng cho đến nay ông B vẫn không trả. Đối với ông B trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

Xét tài liệu, chứng cứ do ông M giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là “*Giấy vay nợ đề ngày 30/12/2020*” có thể hiện nội dung đầy đủ là “*Tôi Dương Thanh B ngày 30/12/2020 có mượn cháu M 420.000.000 đồng sẽ hoàn trả ngày 30/12/2021*”, có chữ ký và ghi đầy đủ họ tên của ông Dương Thanh B, theo nguyên đơn xác định nội dung trong giấy là do ông M ghi, riêng chữ ký và viết họ tên là của ông B tự ký và ghi họ tên.

Nay ông B không có ý kiến gì về chứng cứ do ông M giao nộp, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ra Thông báo cho ông B có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình “*về việc ông M có yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nợ vay là 420.000.000 đồng*”, nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, ông B vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông M, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do ông M giao nộp.

Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên xem như mặc nhiên ông B thừa nhận còn nợ ông M 420.000.000 đồng.

Từ cơ sở trên, xác định được ông B có vay của ông M 420.000.000 đồng, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 năm, không tính lãi, nên được xem là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua hợp đồng vay thấy rằng, ông B đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cho ông M đầy đủ, mặc dù ông M đã nhiều lần đòi; nên ông M khởi kiện yêu cầu ông B trả 420.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu tính lãi suất:

Ông M yêu cầu ông B trả lãi suất kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/7/2022 tròn 06 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng (tức 10%/năm) là phù hợp với quy

định tại **khoản 4 Điều 466**, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

$420.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 20.916.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng cộng vốn và lãi là: $420.000.000 \text{ đồng} + 20.916.000 \text{ đồng} = 440.916.000 \text{ đồng}.$

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận toàn bộ, nên ông B phải chịu án phí của số tiền 440.916.000 đồng là:

$440.916.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 40.916.000 \text{ đồng})$
 $= 20.000.000 \text{ đồng} + 1.637.000 \text{ đồng}$
 $= 21.637.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 470, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; **khoản 2, Điều 91**; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng M đối với ông Dương Thanh B về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc ông Dương Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hoàng M số tiền nợ vay là 440.916.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng), trong đó, tiền vốn là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 20.916.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Ông Dương Thanh B phải có **nghĩa vụ** chịu là 21.637.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

4.2. Ông Trần Hoàng M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005926 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Trần Hoàng M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Dương Thanh B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên